

Số: 35/BC-UBND

Kim Phượng, ngày 14 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2024

Căn cứ Công văn số 807/UBND- TTPVHCC ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện báo cáo CCHC theo Thông tư số 07/2021/TTBNV, Công văn số 381/SNV-CCHC ngày 09/3/2022 Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo công tác CCHC.

UBND xã Kim Phượng báo cáo kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính quý I năm 2024 như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các văn bản chỉ đạo sau:

Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 10/01/2024 của UBND xã về việc cải cách hành chính năm 2024;

Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 19/01/2024 của UBND xã về việc tuyên truyền cải cách hành chính xã Kim Phượng năm 2024;

Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2024 của UBND xã về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ủy ban nhân dân xã Kim Phượng năm 2024;

Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 05/02/2024 của UBND xã về việc Thực hiện phong trào thi đua “Chung tay Cải cách hành chính” xã Kim Phượng năm 2024;

Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 15/2/2024 của UBND xã về việc kiện toàn cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã Kim Phượng;

Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND xã về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và tổ giúp việc thực hiện cải cách hành chính; cải cách thủ tục hành chính gắn với ứng dụng công nghệ thông tin xã Kim Phượng, giai đoạn 2021-2025;

Ngay sau khi ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 UBND xã đã tiến hành lồng ghép các nội dung của cải cách hành chính trong mọi hoạt động, công tác của cán bộ, công chức trong cơ quan. Quán triệt sâu rộng tinh thần đầy mạnh cải cách mọi thủ tục hành chính, đảm bảo giải quyết nhanh gọn, tránh gây phiền hà cho tổ chức, các nhân khi đến giao dịch.

- Cùng với đó phát động phong trào thi đua yêu nước và các hình thức khen thưởng gắn liền với cải cách hành chính.

- Công tác tuyên truyền CCHC được thực hiện thường xuyên trên các hội nghị, các buổi sinh hoạt đoàn, hội và trên các cụm loa tại các xóm.

- Việc xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã được thực hiện đúng theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trong quý I năm 2024, UBND xã đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ do UBND huyện phân công. Ban hành các văn bản chỉ đạo và thực hiện tốt kế hoạch CCHC hành chính từ đầu năm đã đề ra, giải quyết dứt điểm các hồ sơ của công dân trước và đúng hạn.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

- Việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đúng theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 16/01/2024 của UBND xã về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024

- Rà soát văn bản quy phạm pháp luật UBND, HĐND xã Kim Phượng trong quý I năm 2024 xã không ban hành văn bản QPPL nào.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC).**

- Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND xã về việc Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính xã Kim Phượng năm 2024;

Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 31/01/2024 của UBND xã về việc Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn xã Kim Phượng.

Tổng số TTHC đưa ra để rà soát, đánh giá cắt giảm thời gian giải quyết là 05 TTHC.

- Việc công bố, công khai TTHC UBND xã đã thực hiện công khai niêm yết các bước hướng dẫn thực hiện TTHC theo quy định.

- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

Trong kỳ báo cáo đơn vị không nhận được kiến nghị, phản ánh nào.

Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: UBND xã đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 về việc thành lập Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã Kim Phượng, Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 về việc ban hành quy chế bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Kim Phượng.

UBND xã tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC phục vụ tổ chức và cá nhân theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông; áp dụng phần mềm dịch vụ

công tình Thái nguyên. Việc phân công cán bộ, công chức trực tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã được thực hiện theo quy định. Niêm yết công khai TTHC và Công khai bảng phí lệ phí theo ND 61/2018/ND-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.

Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó:

- Tổng số hồ sơ 446 hồ sơ;
- Số mới tiếp nhận trong kỳ: 441 hồ sơ; (trực tuyến: 441 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 0 hồ sơ)
- Số từ kỳ trước chuyển qua: 05 hồ sơ
- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 438 hồ sơ; trong đó, giải quyết trước hạn: 384 hồ sơ, đúng hạn: 54 hồ sơ, quá hạn: 0 hồ sơ.
- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 08 hồ sơ; trong đó, trong hạn: 08 hồ sơ, quá hạn: không có.

- Việc thực hiện vận hành Cổng dịch vụ công hiện nay UBND xã đang duy trì thực hiện tốt hồ sơ được trả trước hạn và đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn trên phần mềm một cửa.

- Cán bộ, công chức được phân công làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tận tình, đúng mực không có cán bộ, công chức vi phạm bị kỷ luật, xử lý.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của công chức xã hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- UBND xã đã thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn biên chế và hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Hiện nay tổng số cán bộ, công chức xã là 25 cán bộ, công chức. 100% cán bộ, công chức đạt chuẩn. UBND xã sắp xếp đúng các vị trí chức danh của cán bộ, công chức;

- Hiện nay xã thực hiện chức danh Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND xã.

- Hồ sơ cán bộ, công chức được bảo quản đầy đủ về thành phần hồ sơ và sắp xếp đúng thứ tự từng loại.

- Trong quý I xã không có cán bộ, công chức bị kỷ luật, khiển trách. UBND xã đã cử các cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức của cấp trên.

### **4. Cải cách chế độ công vụ**

- Để thực hiện tốt lý luật, kỷ cương hành chính công vụ trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức xã đã ban hành Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của UBND xã về Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Kim Phượng nhiệm kỳ 2021-2026.

### **5. Cải cách tài chính công**

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả theo Luật ngân sách nhà nước 2015, Nghị định 130/2005NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước.

### **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

Ngày từ đầu năm UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2024 của UBND xã về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ủy ban nhân dân xã Kim Phượng năm 2024;

Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 02/02/2024 của UBND xã về thực hiện Chương trình Chuyển đổi số xã Kim Phượng năm 2024.

Ngày từ đầu năm UBND xã đã ban hành kế hoạch CCHC năm 2024. Sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và trao đổi văn bản điện tử trong cơ quan hành chính và thực hiện ký số trên văn bản điện tử liên thông trong hoạt động ban hành văn bản theo quy định đạt 100%. 100% lãnh đạo sử dụng chữ ký số để ký văn bản. Tỷ lệ máy tính cho cán bộ, công chức đạt 100%, 100% cán bộ, công chức sử dụng thường xuyên, thành thạo phần mềm QLVB&HTĐT.

Tăng cường sử dụng hòm thư điện tử của tỉnh thường xuyên trong hoạt động trao đổi văn bản của các bộ phận và gửi văn bản liên thông, văn bản đi, đến được số hóa đạt 100% qua mạng Internet qua QLVB&HTĐH, thực hiện tạo lập 100% hồ sơ công việc điện tử, lập lịch công tác lãnh đạo trên QLVB&HTĐH. 100% TTHC được áp dụng phần mềm một cửa để giải quyết. TTHC Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Trên trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin lãnh đạo theo NĐ 34/2011/NĐ-CP, cung cấp thông tin theo Luật phòng chống tham nhũng và luật tiếp cận thông tin.

Áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan: UBND xã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO và áp dụng 100% TTHC theo quy trình ISO Thường xuyên duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại UBND xã, gắn với Bộ TTHC thực hiện tại UBND xã.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Mặt tích cực**

Nhìn chung công tác cải cách hành chính được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo nên đơn vị xã Kim Phượng đã triển khai thực hiện CCHC đồng bộ trên tất cả các nội dung cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức. Nâng cao được ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ công chức. Phát huy hiệu quả quản lý nhà nước.

### **2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

Do nhận thức về CCHC, ứng dụng công nghệ thông tin của người dân còn chưa đồng đều nên CCHC ở địa phương chưa đạt mục tiêu đề ra.

Khắc phục: Tăng cường tuyên truyền về CCHC đến công dân

### **3. Nguyên nhân những tồn tại, hạn chế**

Công tác tuyên truyền về CCHC được thực hiện thường xuyên nhưng do một số người dân đi làm ăn xa nên hiệu quả công tác tuyên truyền chưa cao.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI**

- Tăng cường tuyên truyền, tạo tài khoản, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua Dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục giải quyết hồ sơ TTHC của tổ chức và cá nhân theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông trước và đúng hạn; Thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm Dịch vụ công Quốc gia.

### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (không có)**

Trên đây là báo cáo về tình hình triển khai và kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính quý I; phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Kim Phụng./.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND huyện Định Hoá;
- Phòng Nội vụ;
- TT ĐU, HĐND, UBND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trương Anh Tú**

**PHỤ LỤC**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2024**  
*(Kèm theo Báo cáo số: 35/BC-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Kim Phụng)*

STT	Các chỉ tiêu (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC</b>			
1.1.	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	14	
Trong đó	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	7	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	1	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1.	Tỷ lệ phòng chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
1.2.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%	0	
1.2.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%	0	
Trong đó	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND huyện, UBND huyện giao		7	
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	7	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	1	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		25	
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	25	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện đã ban hành (cấp xã)	Văn bản	0	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	-	-	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Tỷ lệ xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát	%	0	
Trong đó	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thống kê TTHC		116	
3.1.1.	Số TTHC công bố mới thuộc thẩm quyền	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	0	
Trong đó	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	116	
3.2.	Vận hành Công dịch vụ công (DVC)			
3.2.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	111	
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục	111	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	111	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
3.2.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	66	
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục	66	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	66	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	17	
3.2.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	177	
Trong đó	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4	Thủ tục	177	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai	Thủ tục	177	
3.2.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4	%	100	

	(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)			
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	446	
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	441	
3.2.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	446	
Trong đó	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	Thủ tục	8	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	Thủ tục	8	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	2	
3.3.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.3.4.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	116	
3.3.5.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	437	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	437	
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
4.1.5.	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện đã cắt giảm so với năm 2015	%		
Trong đó	Tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Đơn vị		
	Số đơn vị sự nghiệp tại thời điểm báo cáo	Đơn vị		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			



4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	36	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	25	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.3.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển.	Người		
5.4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	Người		
Trong đó	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật.	Người		
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			

6.1.	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
Trong đó	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
	Đã thực hiện	Triệu đồng		
<b>6.2</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
Trong đó	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1	1	

		Hoàn thành = 2		
7.5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.5.1.	Tỷ lệ thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp huyện đến cấp xã	%	100	
7.5.2.	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn dưới dạng điện tử	Văn bản	223	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	0	
7.6.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.6.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.6.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	